



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
PHILLYBOND 6 HARDENER.**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm PHILLYBOND 6 HARDENER.

Số hiệu sản phẩm Y0044

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất làm cứng.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 5 - H313 Độc tính cấp tính loại 4 - H332
Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Đột biến gen tế bào mầm loại 2 - H341 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373

Nguy hại về môi trường Không xếp loại

Thành phần nhãn

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

PHILLYBOND 6 HARDENER.

Câu cảnh báo nguy cơ	H302+H332 Có thể gây hại nếu nuốt phải hoặc hít phải. H313 Có thể gây hại nếu tiếp xúc với da. H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H341 Nghi ngờ là tác nhân gây lỗi gen. H373 Có thể gây hại cho cơ quan nội tạng thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
Câu phòng ngừa	P261 Tránh hít hơi/ bụi nước. P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và để tháo. Tiếp tục rửa.
Bao gồm	PHENOL, TRIETHYLENETETRAMINE

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

PHENOL	5-10%
Số CAS: 108-95-2	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 3 - H301	
Độc tính cấp tính loại 3 - H311	
Độc tính cấp tính loại 3 - H331	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Đột biến gen tế bào mầm loại 2 - H341	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373	
TRIETHYLENETETRAMINE	5-10%
Số CAS: 112-24-3	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
------------------------	---

PHILLYBOND 6 HARDENER.

Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Đập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Các sản phẩm cháy nguy hại	Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị.
-----------------------------------	--

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập.
---	---

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp nếu hệ thống thông gió kém. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
-----------------------------------	---

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh xả thải ra ống thoát nước hoặc kênh rạch hoặc mặt đất. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	---

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

PHILLYBOND 6 HARDENER.

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng	Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.
--------------------------------	--

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất	Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).
---	--

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.

Bảo hộ cho hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Bột nhão.
Màu sắc	Đen.
Mùi đặc trưng	Mùi amoniac.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): alkaline @ 20 °C
Điểm nóng chảy	liquid°C

PHILLYBOND 6 HARDENER.

Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>176°C @
Điểm chớp cháy	136°C
Tỷ trọng tương đối	1.72 - 1.07 @ @ 20 °C°C
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Axit. Chất oxy hóa.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 1.111,11

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 2.619,05

Độc tính cấp tính- qua hô hấp

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 7.777,78

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 33,33

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 5,56

Sự hít phải	Hơi này có thể gây kích ứng cho họng/hệ hô hấp. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Ho. Khí hoặc hơi ở nồng độ cao có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Mệt mỏi. Buồn nôn, nôn mửa. Phơi nhiễm lặp lại có thể gây kích ứng đường hô hấp trên mãn tính. Có thể gây thờ ờng giống hen suyễn.
Sự ăn phải	Nuốt phải có thể gây kích ứng miệng, thực quản và đường tiêu hóa trầm trọng.
Tiếp xúc với da	Kích ứng da trầm trọng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Repeated exposure may cause skin dryness or cracking.

PHILLYBOND 6 HARDENER.

Tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng mắt trầm trọng.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính	Có nguy cơ gây ra những tác động không thể phục hồi.
Đường vào cơ thể	Hấp thu vào da Qua đường thở Ingestion.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Không có thông tin về độc tính sinh thái của sản phẩm này.
Độc tính	Không được cho là gây độc cho cá.
<u>Độ bền vững và độ phân hủy</u>	
Độ bền và độ phân hủy	Phenol: Biological degradability % : 99.5 % .
<u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u>	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<u>Tính di động trong đất</u>	
Tính di động	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch.
<u>Các tác động có hại khác</u>	
Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung	Không có thông tin khác.
<u>SỐ UN</u>	
SỐ UN (Đường bộ/Đường sắt)	2922
SỐ UN (IMDG)	2922
SỐ UN (ICAO)	2922
<u>Tên vận chuyển chuẩn UN</u>	
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	CORROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (PHENOL, TRIETHYLENETETRAMINE)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	CORROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (PHENOL, TRIETHYLENETETRAMINE)
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	CORROSIVE LIQUID, TOXIC, N.O.S. (PHENOL, TRIETHYLENETETRAMINE)
<u>Vận chuyển các nhóm chất nguy hại</u>	
Nhóm Đường bộ/Đường sắt	8

PHILLYBOND 6 HARDENER.

Rủi ro phụ Đường bộ/Đường sắt 6.1

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8 & 6.1

Nhóm IMDG 8

Rủi ro phụ IMDG 6.1

Nhóm/ mục ICAO 8

Rủi ro phụ ICAO 6.1

Nhãn vận chuyển



Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 86

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 9

Ngày thay thế 27/09/2017

PHILLYBOND 6 HARDENER.

- Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ**
- H301 Độc hại nếu nuốt phải.
 - H302 Gây hại nếu nuốt phải.
 - H311 Độc hại nếu tiếp xúc với da.
 - H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
 - H313 Có thể gây hại nếu tiếp xúc với da.
 - H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
 - H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 - H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
 - H331 Độc hại nếu hít phải.
 - H332 Gây hại nếu hít phải.
 - H341 Nghi ngờ là tác nhân gây lỗi gen.
 - H373 Có thể gây hại cho cơ quan nội tạng thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
 - H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.